

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GS, TS TẠ NGỌC TẤN

(Chủ biên)

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG Ở VIỆT NAM



LLCT

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

**TÍN NGŨNG
THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG
Ở VIỆT NAM**

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

GS, TS TẠ NGỌC TẤN

Ủy viên BCH Trung ương Đảng,
Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia
Hồ Chí Minh

Đồng chí VÕ VĂN THƯỜNG

Ủy viên BCH Trung ương Đảng,
Phó Bí thư Thường trực
Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

CÁC ỦY VIÊN

Đồng chí THÂN THỊ THƯ

Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy,
Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

PGS, TS ĐỖ LAN HIỀN

Viện trưởng Viện Nghiên cứu tôn giáo và tín ngưỡng,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS NGUYỄN THÁI BÌNH

Viện trưởng Viện Thông tin khoa học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

PGS, TS LÊ VĂN LỢI

Vụ trưởng Vụ Quản lý khoa học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS NGUYỄN CHÍ HƯỚNG

Chánh Văn phòng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Đồng chí THÁI THỊ BÍCH LIÊN

Thành ủy viên, Chánh Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

Đồng chí PHẠM ĐỨC HẢI

Thành ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo
Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

Đồng chí NGUYỄN NHƯ KHUÊ

Thành ủy viên, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao
Thành phố Hồ Chí Minh

TỔ CHỨC BIÊN SOẠN

PGS, TS NGUYỄN HỮU THẮNG

Phó Viện trưởng Viện Thông tin khoa học,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

TS LÊ TÂM ĐẮC

Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu tôn giáo và tín ngưỡng,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS LÒ THỊ NHUNG

Trưởng phòng Biên tập, Tạp chí Thông tin khoa học
lý luận chính trị, Viện Thông tin khoa học

ThS NGUYỄN NGỌC LAM

Phó Trưởng phòng Thư ký - Trị sự, Tạp chí Thông tin khoa học
lý luận chính trị, Viện Thông tin khoa học

Đồng chí NGUYỄN QUANG TRUNG

Phó Trưởng phòng Văn hóa, Văn nghệ
Ban Tuyên giáo Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

TS NGUYỄN CÔNG TRÍ

Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,
Viện Nghiên cứu tôn giáo và tín ngưỡng

TS NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Viện Nghiên cứu tôn giáo và tín ngưỡng

ThS NGUYỄN HUYỀN TRANG

Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị,
Viện Thông tin khoa học

ThS ĐỖ THỊ DIỆP

Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị,
Viện Thông tin khoa học

Đồng chí NGUYỄN PHƯƠNG THẢO

Tạp chí Thông tin khoa học lý luận chính trị,
Viện Thông tin khoa học

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH

THÀNH ỦY
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

GS, TS TẠ NGỌC TẤN
(Chủ biên)

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG Ở VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ
Hà Nội - 2015

LỜI GIỚI THIỆU

Trên thế giới có nhiều tộc người, nhiều quốc gia thờ cúng tổ tiên ở các mức độ và dạng thức khác nhau, nhưng thờ cúng Hùng Vương dưới dạng thờ Quốc Tổ thì chỉ có ở người Việt và ở Việt Nam.

Từ xa xưa trong lịch sử, người Việt đã hình thành loại hình tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Người Việt coi trọng và thực hành các nghi thức cúng lễ tổ tiên và xem đó như một chuẩn mực của “*Hiếu đạo*” vì người Việt quan niệm *sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn*, tức là, kính thờ khi đã mất như khi còn sống. Tinh thần “*Hiếu đạo*” đối với đất nước, với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, từ xưa cho đến nay, luôn là một “*điểm son*” trong lễ sống và văn hóa của người Việt. “*Hiếu đạo*” được hiểu một cách giản dị nhất là sự tận tâm cung kính, phụng dưỡng cha mẹ, ông bà khi còn sống; thờ phụng cung kính cha mẹ, ông bà khi đã mất. “*Hiếu đạo*” còn là sự biết ơn đối với các thế hệ tiền nhân, những người có công với cộng đồng, hy sinh vì nước, vì dân. “*Hiếu đạo*” cũng được hiểu như một “con đường”, một hướng đi chỉ dẫn cho người Việt hình thành nhân cách, lối sống gắn liền với ý thức về nguồn cội, về sự biết ơn đối với các thế hệ đi trước. Có thể khẳng định rằng, “*Hiếu đạo*” đã trở

thành một triết lý nhân sinh, một giá trị văn hóa, một tín ngưỡng của người Việt và dân tộc Việt Nam hướng đến xây dựng và hoàn thiện con người.

Người Việt không chỉ nhớ ơn cha mẹ, ông bà, tổ tiên gia tộc theo huyết thống của mình, mà người Việt còn tôn vinh những người có công trong việc khai làng, lập ấp. Tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, dũng khí can trường bất khuất dẫn thân vì mưu cầu quốc thái dân an của các bậc anh hùng đã đi vào tâm thức người Việt. Vì thế, người Việt lập *đình, đền, miếu, phủ, am* để thờ cúng họ như các bậc thánh thần, để tỏ lòng ngưỡng mộ, ghi nhớ công lao của họ, và là cách tốt nhất lưu truyền cho muôn đời con cháu về sau. Việc cúng tế tổ tiên cũng thể hiện mối dây liên hệ giữa người sống và người chết không hề bị đứt đoạn, người đã chết dù không hiện hữu nhưng họ luôn được nhắc nhớ trong các dịp cúng tế. Tất cả các sự kiện quan trọng của đời sống cá nhân và cộng đồng đều được kính báo với tổ tiên. Tâm thức tín ngưỡng đó thể hiện một cách mãnh liệt và chế ngự toàn bộ đời sống người Việt trong mỗi hành vi thường nhật hay trọng đại, ở mọi giai tầng xã hội, ở các địa phương, khu vực cư trú khác nhau. Các triều đại phong kiến trước đây cũng đã sắc phong *Thánh* cho Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (Đức Thánh Trần), phong *Thần* cho các danh tướng như Lý Thường Kiệt, Phạm Ngũ Lão (*Thượng Đẳng Phúc Thần*), Mạc Đĩnh Chi (*Huệ Việt Linh Thánh Đại Vương Phúc Thần*), v.v..

Suy tôn, phong thần cho các bậc anh hùng và quy định tổ chức lễ tế hằng năm đã được ghi trong lịch sử nước nhà. Trong khu vực Kinh đô nước Văn Lang xưa, các Vua Hùng đã chọn Núi Nghĩa Lĩnh, ngọn núi cao nhất vùng để thực hiện các nghi lễ cúng tế theo tín ngưỡng dân gian của cư dân nông nghiệp thời bấy giờ như thờ *Thần Lúa, Thần Mặt Trời* để cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, vạn vật sinh sôi, nảy nở, con người được no đủ. Sau này, để ghi nhớ công lao to lớn của các Vua Hùng, người dân và triều đình đã lập đền thờ các Vua Hùng tại chính ngọn Núi Nghĩa

Lĩnh đó. Dưới thời Vua Lê Thánh Tông (1460-1497), để khẳng định quyền lực chính trị của mình, nhà vua đã cho phép mình thực hiện quyền tể giao trời đất và quy định việc thờ cúng các vị vua của đất nước, xem đó là một điển lệ quan trọng của quốc gia. Chính vì vậy, năm 1470, sau 10 năm lên ngôi, Lê Thánh Tông cho lập *Ngọc phả Hùng Vương* với tên gọi đầy đủ là “*Ngọc phả cổ truyền về 18 chi đời Thánh Vương Triều Hùng*” (*Hùng đồ thập bát diệp Thánh Vương Ngọc phả cổ truyền*) để khẳng định nền tảng uy quyền của các vương triều trên Đất Việt. Từ đó, việc thờ cúng Hùng Vương trở thành chính thống.

Nói chung, Khu di tích lịch sử Đền Hùng và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương nhận được sự quan tâm đặc biệt của nhiều vị vua Triều Nguyễn. Năm 1874, Vua Tự Đức lệnh cho Tổng đốc Tam tuyên Nguyễn Bá Nghi xây dựng Lăng Hùng Vương ngay cạnh Đền Thượng, đồng thời cấp tiền và cử quan lại giám sát việc tu sửa, mở rộng Đền Thượng. Năm 1917, dưới triều Vua Khải Định, Bộ Lễ chính thức gửi công văn ghi ngày 25-7 phái quan hàng tỉnh của Phú Thọ lấy ngày mồng Mười tháng Ba âm lịch hàng năm để cử hành “quốc tế”. Theo quy định, khi ấy, các quan phải mặc phẩm phục lên Đền Hùng (Phú Thọ) thay mặt cúng tế.

Khu di tích lịch sử Đền Hùng tại Núi Nghĩa Lĩnh (Phú Thọ) hiện nay chính là nơi gốc thờ tự các Vua Hùng của cả nước. Từ trung tâm thờ tự các Vua Hùng đầu tiên này, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương dần dần lan tỏa tới các địa phương khác. Đầu tiên là các vùng dưới chân núi Nghĩa Lĩnh như Đình làng Cổ Tích xã Hy Cương, Đình làng Trẹo thị trấn Hùng Sơn... và cứ thế, lan tỏa ra khắp đất nước. Ngay từ thời Hai Bà Trưng dựng cờ khởi nghĩa vào mùa Xuân năm Canh Tý (năm 40), Hai Bà Trưng đã làm lễ tế cờ xuất binh với lời thề: “Một xin rửa sạch quốc thù/Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng”. Trong khu vực Kinh đô nước Văn Lang xưa đã có tới 71 di chỉ khảo cổ học có liên quan đến việc thờ tự các Vua

Hùng. Hiện tại, theo thống kê của Cục Di sản văn hóa, ở Việt Nam có hơn 1.400 di tích thờ cúng Hùng Vương và các tướng lĩnh thời đại Hùng Vương.

Điều đó nói lên rằng, việc thờ cúng Hùng Vương đã có từ thời xa xưa. Do vậy, không chỉ vì câu chuyện thần thoại về nguồn gốc của các Vua Hùng mà chúng ta lại không xếp thời đại Hùng Vương vào trong giai đoạn nào của lịch sử nước nhà. Dân tộc nào trên thế giới cũng thường “khoác lên” thời sơ khởi của mình một “bộ áo” thần thoại. Người Hy Lạp đã miêu tả cuộc chiến thành Troia vào khoảng năm 1184 tr.CN qua hai bản trường ca *Iliade* và *Odyssey* của Homère. Lịch sử của tộc người Do Thái cũng được miêu tả qua bộ sách *Sáng Thế* trong Thánh Kinh Cựu Ước đầy màu sắc huyền hoặc, v.v..

Cũng không vì danh xưng “Hùng Vương” mà nhiều sử gia đã diễn dịch sai vương tước Hùng Vương, cho đó là thiết chế phong kiến và gắn với tổ chức xã hội thị tộc, bộ lạc là không chính xác. Hùng Vương có thể là danh xưng mà các sử gia sau này dùng để gọi các thủ lĩnh, tù trưởng, tộc trưởng hay các lạc hầu lạc, lạc tướng thời đó. Dù với địa vị quyền lực nào đi nữa, dù nguồn gốc Hùng Vương có vương vấn với huyền thoại, thần tích Lạc Long Quân lấy Âu Cơ đẻ ra một bọc trăm trứng, nở trăm con, rồi Lạc Long Quân phong cho người con trai trưởng làm vua nước Văn Lang, lấy danh hiệu Hùng Vương đi nữa thì cũng là phản ánh cách giải thích của người Việt trước đây về nguồn cội quốc gia của mình, ước nguyện, khát vọng của người Việt lúc bấy giờ muốn khẳng định nền tảng uy quyền của các vương triều trên đất Việt Nam. Và trong tâm thức thần bí đó, tinh thần gia tộc, tình nghĩa đồng bào, tình đoàn kết gắn bó của người Việt sẽ mạnh mẽ hơn, bền chặt hơn. Bởi vì, họ không chỉ cùng một huyết thống mà họ còn có mối quan hệ hết sức thần bí là cùng sinh ra từ “một bọc trăm trứng”. Đó là một sức mạnh, sự cổ vũ tinh thần giúp người Việt quy tụ về một mối mỗi khi đất nước gặp thiên tai, địch họa. Và chính lịch sử đã minh chứng hùng

hồn về sức mạnh đoàn kết của người Việt đã gắn kết cả dân tộc lại thành một làn sóng mạnh mẽ, nhấn chìm tất cả kẻ thù lớn mạnh hơn mình gấp trăm vạn lần.

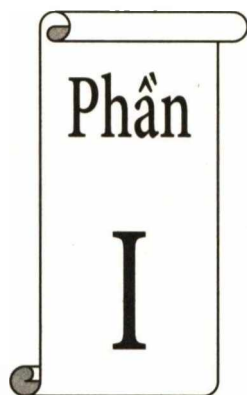
Những giá trị nổi bật về sự phổ cập rộng rãi và truyền thống lâu đời của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, sự đóng góp tích cực của cộng đồng người Việt trong việc bảo tồn sức sống của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương trên trên mọi miền Tổ quốc, lan tỏa rộng rãi trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài như một bản sắc văn hóa truyền thống được duy trì, kế tục và phát huy chính là một trong những tiêu chí để ngày 6-12-2012 UNESCO công nhận tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ (Việt Nam) là *di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*. Và tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương cũng là di sản văn hóa thế giới duy nhất ở loại hình tín ngưỡng. Nhân dịp kỷ niệm 3 năm UNESCO vinh danh tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo *Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Việt Nam* nhằm góp phần: Truyền bá tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương với bạn bè quốc tế; đánh giá rõ thêm các di tích đền thờ Vua Hùng trên phạm vi cả nước để có kế hoạch trùng tu, tôn tạo nơi thờ tự cho trang nghiêm và xứng tầm; sưu tầm, chuẩn hóa điển tích, trình tự nghi lễ thờ cúng Hùng Vương để tạo sự thống nhất trong cả nước; xây dựng các giải pháp bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của nhân loại với trường hợp tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ.

Cuốn sách chuyên khảo này là kết quả của cuộc Hội thảo khoa học nêu trên. Các bài tham luận tập trung làm sáng tỏ về lịch sử hình thành và ý nghĩa của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Việt Nam trong kho tàng di sản Hán Nôm, các văn bản thư tịch cổ và kết quả nghiên cứu của ngành khảo cổ học; Nghiên cứu tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương trong tâm thức của người Việt và các tộc người thiểu số trên các vùng miền của Tổ quốc và của bà con Việt kiều xa quê; Khẳng định vai trò của tín ngưỡng thờ cúng Hùng

Vương với việc hình thành bản sắc văn hóa, xây dựng con người Việt Nam và trong chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng đất nước hiện nay. Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 3 năm UNESCO công nhận *tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ* là *di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*, chúng ta cần lưu tâm đến việc phát huy giá trị của tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương với tư cách là một di sản văn hóa thế giới, những biến đổi trong Lễ hội Hùng Vương ở Việt Nam, việc khai thác di tích và Lễ hội Hùng Vương trong hoạt động du lịch hiện nay và những vấn đề đặt ra cho công tác quản lý nhà nước về hoạt động tín ngưỡng và bảo tồn di sản văn hóa nhân loại.

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2015

GS, TS Tạ Ngọc Tấn



LỊCH SỬ VÀ Ý NGHĨA CỦA TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG Ở VIỆT NAM

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG HÙNG VƯƠNG VỚI SỰ CÙNG CỐ CỘNG ĐỒNG TRƯỚC NHU CẦU TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN QUỐC GIA

GS, TS Lê Hồng Lý

*Viện Nghiên cứu văn hóa,
Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam*

Trong một cuộc tọa đàm khoa học gần đây, một nhà dân tộc học đã đưa ra ý kiến về việc cần thiết phải xây dựng một nền văn hóa quốc gia trong bối cảnh hiện nay. Nền văn hóa quốc gia ấy bao gồm các yếu tố: ý thức văn hóa quốc gia, ngôn ngữ quốc gia, các thiết chế. Trong đó, ý thức quốc gia gồm ý thức về lãnh thổ và biểu tượng quốc gia¹.

Từ quan điểm này, chúng tôi muốn nhìn nhận tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở nước ta như một sự tiếp nối của tín ngưỡng thờ cúng để trở thành một biểu tượng phản ánh sự cố kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và dần trở thành một biểu tượng quốc gia.

Thực tế cho thấy, mỗi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đa sắc tộc, đa tôn giáo đều xây dựng cho mình một biểu tượng nào đó nhằm tập hợp và quy tụ tất cả các nhóm người khác nhau cùng sinh sống trên một lãnh thổ; củng cố sự đoàn kết và bảo tồn sự phát triển của quốc gia ấy. Biểu tượng đó có thể là một nhân vật truyền

¹ Ý kiến phát biểu của nhà dân tộc học Vương Xuân Tình tại cuộc tọa đàm: “*Phát huy giá trị văn hóa Việt Nam và nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, khát vọng cống hiến của thế hệ trẻ, xung kích đi đầu trong xây dựng đất nước*” do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đồng tổ chức ngày 25-10-2015 tại Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.

thuyết, một anh hùng lịch sử hay một nhân vật tôn giáo... miễn là nó có thể quy tụ được tất cả mọi người với những lý tưởng, những suy nghĩ khác nhau vì sự cường thịnh của quốc gia đó.

Có thể nói, hầu hết các dân tộc sinh sống trên đất nước Việt Nam đều có tục thờ cúng tổ tiên. Riêng đối với người Việt, một tộc người chiếm đa số, tập tục này ăn sâu vào tâm thức của họ từ đời này qua đời khác, thế hệ nọ tiếp nối thế hệ kia và được duy trì một cách lâu bền.

Theo Đào Duy Anh: “Việc tế tự tổ tiên không phải chỉ cốt cho linh hồn tổ tiên khỏi khổ mà còn có ý nghĩa sâu xa hơn nữa, là nhớ ơn sinh thành của tổ tiên (phục bản phản thủy) và lưu truyền nòi giống mãi mãi về sau (vĩnh truyền tôn thống), cho nên ta có thể cho rằng tế tự tổ tiên là lấy sự duy trì chủng tộc làm mục đích”¹. Chính tầm quan trọng của tục lệ này mà đời này qua đời khác nó được quy định chặt chẽ và rõ ràng trong việc thờ cúng, như sách *Thọ Mai gia lễ* của Hồ Gia Tân đã viết. Tục lệ ấy được truyền lại cho các thế hệ người Việt, nó có một sức sống lâu bền đúng như ý kiến của Nguyễn Văn Huyền: “Mọi người Việt Nam đều tuân theo tục thờ cúng này, không hề miễn cưỡng, dù họ thuộc thứ bậc nào trong xã hội. Tội bất hiếu nặng nhất mà con trai phạm phải là không cúng ông bà, cha mẹ. Người Việt Nam kính trọng bố mẹ đã qua đời như bố mẹ còn sống. Sau khi bố mẹ mất, con cái vẫn tiếp tục kính trọng và yêu quý bố mẹ”².

Tục lệ quy định, con trưởng là người phải thực hiện việc cúng giỗ ông bà, cha mẹ tại nhà mình. Do vậy, vợ chồng người con trưởng thường sẽ sống cùng bố mẹ để chăm sóc bố mẹ và thờ cúng ông bà. Cho nên, người con trưởng sẽ là người thừa kế gia tài của bố mẹ như đất đai, nhà cửa. Con gái đi lấy chồng gần như không có quyền gì về bất động sản của cha mẹ. Trong quá khứ đó là điều

¹ Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H. 2000, tr.250.

² Nguyễn Văn Huyền: *Văn minh Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn, H. 2005, tr.94.

bình thường và tất cả mọi người đều chấp nhận và đến tận bây giờ nó vẫn còn phổ biến ở vùng nông thôn. Gia đình nào khá giả thì bố mẹ cho những người con gái đi lấy chồng một ít của hồi môn như tiền bạc hoặc nhiều hơn là một đôi hoa tai hay khuyên vàng, vòng tay, vòng cổ. Những người con trai còn lại, tùy theo khả năng, bố mẹ sẽ cắt phần đất đai đang sống hay mua một chỗ khác để chia cho khi họ lập gia đình và ở riêng. Người xưa có câu: “Anh em kiến giả nhất phận”, tức là khi đến tuổi lấy vợ, sau khi cưới xin trọn vẹn, bố mẹ cho họ ra ở riêng trên phần đất cha ông hay ở một địa điểm khác trong làng. Xu thế chung ngày trước là “trâu ta ăn cỏ đồng ta” nên việc lấy vợ, lấy chồng thiên hạ là điều ít được hoan nghênh.

Nhiều gia đình có cùng nguồn gốc và huyết thống tạo thành dòng họ. Nhiều họ sống chung trên một địa vực lập thành làng. Nhiều làng tập hợp trong một biên giới quốc gia cùng với các cộng đồng, tộc người khác tạo thành nước. Khi cùng nhau tồn tại trên một lãnh thổ được gọi là nước, là quốc gia, con người bắt buộc phải cùng nhau đoàn kết để chống lại những mối đe dọa của thiên nhiên, dịch bệnh, nhất là nguy cơ xâm lược từ bên ngoài vì sự tồn vong của mình. Chính vì vậy, nhu cầu tập hợp và đoàn kết của một quốc gia luôn là nhiệm vụ thường trực trong mọi thời đại. Và để tập hợp dưới một cờ chung ấy, việc có một biểu tượng quốc gia là một vấn đề cần thiết. Đối với người Việt Nam, biểu tượng đó là tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, vị Quốc Tổ của cả nước.

Từ khi trở thành một quốc gia độc lập tự chủ, nhà nước phong kiến đã luôn hướng tới một chính quyền trung ương tập quyền với mục đích tập trung quyền lực vào một mối để thống nhất quốc gia. Biểu hiện rõ nhất là việc nhà Lý cho tổ chức Hội Gióng với mục đích cổ kết cộng đồng qua một sinh hoạt văn hóa để giáo dục ý thức lịch sử và nhu cầu đoàn kết đất nước thành một khối vì sự tồn vong của đất nước. Tuy nhiên, đó mới chỉ là ở góc độ quyền lực chính trị. Vấn đề là làm sao quyền lực chính trị ấy thấm vào máu thịt từng con người một cách tự nhiên thì phải bằng con đường văn hóa, đặc biệt là văn hóa tâm linh. Các triều đại phong kiến trước kia

cũng như chúng ta ngày nay đã tìm thấy điều đó qua tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, và truyền thống ấy được kết tinh bằng một biểu tượng cụ thể là Vua Hùng.

Khu di tích lịch sử Đền Hùng ở thôn Cổ Tích, xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ (nay thuộc thành phố Việt Trì) với tổng diện tích tự nhiên trên 1.000ha, thuộc phần đất trong địa giới hành chính của 7 xã: Hy Cương, Chu Hóa, Thanh Đình, Tiên Kiên, Phù Ninh, Kim Đức, Vân Phú, là một quy mô hoàn toàn mới. Vốn dĩ ban đầu ở đây thờ các vị thần núi của dân làng, sau này nó được gắn vào với các mỹ tự: “Đột Ngột Cao Sơn, Viễn Sơn, Ất Sơn” và dần trở thành tín niệm trong tâm thức dân gian. Như đã trình bày, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có từ lâu đời. Gia đình thờ ông bà cha mẹ, dòng họ thờ tổ họ, làng xã thờ thần thành hoàng làng. Các vị thần núi là những vị thần vốn được các làng thuộc Cổ Tích, Hy Cương phụng thờ như các vị thành hoàng làng. Chỉ đến sau này, tín ngưỡng ấy được lan tỏa rộng ra và trở thành niềm tin thiêng liêng của mỗi người dân đất Việt, niềm tin vào tổ tiên và sức mạnh thiêng liêng tiềm ẩn của các thế lực siêu nhiên tuy không cùng sống, cùng sinh hoạt với họ song luôn đồng hành trong đời sống văn hóa tín ngưỡng của nhân dân: Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên mà cụ thể ở đây là thờ cúng các Vua Hùng.

Điểm qua lịch sử có thể thấy: Năm 1372, Hàn lâm viện học sĩ Hồ Tông Thốc là người đầu tiên đưa các Vua Hùng với tư cách là một nhân vật lịch sử vào chính sử trong cuốn *Việt Nam thế chí*. Sách *Việt sử lược* (biên soạn năm 1377) chép về Hùng Vương dựng nước Văn Lang nhưng với tư cách là một pháp sư tài giỏi thâu tóm được quyền lực các bộ tộc để trở thành một vị thủ lĩnh tối cao của bộ lạc. Năm 1435, trong sách *Dư địa chí*, Nguyễn Trãi đã nhắc đến Hùng Vương theo thư tịch thời Trần như một niềm tự hào dân tộc. Năm 1470, Vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức (1470-1497), đã cho Hàn lâm viện Trác học sĩ Nguyễn Cổ lập *Ngọc phả Hùng Vương* với tên gọi đầy đủ là “Ngọc phả cổ truyền

về 18 chi đời Thánh Vương Triều Hùng” (Hùng đồ thập bát diệp Thánh Vương Ngọc phả cổ truyền). Với sự ra đời của bản Ngọc phả này, Hùng Vương được chính thức hóa trong chính sử Việt Nam. Từ đây, Vua Hùng có tông phả ở giữa thế gian. Cũng nhờ có tông phả đó mà triều đình Hậu Lê mới có đủ điều kiện để làm Lễ “Tế Giao” như các vua phương Bắc, xác nhận quyền độc lập quốc gia và quyền lực chuyên chế của ông vua nước Đại Việt. Năm 1497, trong *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhà sử học Ngô Sĩ Liên có đầy đủ yếu tố thuận lợi để đưa họ Hồng Bàng vào chính sử Việt Nam. Đó là bước phát triển vượt bậc trong ý thức hệ và tư duy của Nho giáo phong kiến Việt Nam xưa luôn hạ mình là “hàng phiên thần” trong sự mặc cảm tự ti, chia sẻ văn hóa theo thứ bậc để vượt lên ý thức tự tôn dân tộc, văn hóa bác học ngang hàng với nước lớn phương Bắc. Từ đây về sau, Vua Hùng được gọi Thánh Tổ và được chính quyền trung ương công nhận; nhân dân ta trên khắp mọi miền đất nước xây đền thờ phụng¹.

Ngôi đền thờ xuất hiện sớm nhất trên Núi Nghĩa Lĩnh được xây vào thời Hậu Lê, được nâng cấp và tôn tạo vào thời Nguyễn. Cổng Đền Hùng được xây vào năm Khải Định thứ 2 (1917), theo kiểu vòm cuốn cao 8,5cm, 2 tầng, 8 mái, lợp dạng ngói ống. Bốn góc tầng mái trang trí rồng đắp nổi 2 con nghê, nửa cột trụ là cổng đắp nổi phù điêu 2 võ sĩ. Còn việc lễ hội, “Hùng đồ thập bát diệp Thánh Vương Ngọc phả cổ truyền” do Nguyễn Cỗ soạn năm 1470, sao lại năm 1600 có ghi: “Phụng ban hương Trung Nghĩa làm dân trưởng tạo lệ, cấp 500 mẫu ruộng tại xã Hy Cương, lại cho thu tô thuế ruộng của một vùng phía trên từ Tuyên Quang, Hưng Hóa, phía dưới đến Việt Trì đều đem nộp cho dân trưởng tạo lệ làm hương hỏa thờ phụng”². Hội Đền Hùng trở thành lễ hội tầm cỡ

¹ Dẫn theo Phạm Bá Khiêm: *Vua Hùng trong tín ngưỡng nguồn cội của người Việt*, Báo Phú Thọ, ngày 16-4-2010.

² Lê Hồng Lý: *Hội Đền Hùng xưa và nay*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 4-1987.

quốc gia vào thời Nguyễn khi nhà nước phong kiến tiến hành tế lễ (Quốc tế), lệ cứ 5 năm một lần vào năm chẵn gọi là hội chính.

Sau khi chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc bằng thắng lợi vẻ vang, ngày 19-9-1954, tại Đền Hùng ở Phú Thọ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ân cần căn dặn cán bộ, chiến sĩ: *Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước* cũng là một sự tiếp nối của lịch sử. Tuy nhiên, từ năm 1954 đến năm 1975, với nhiều lý do khác nhau, việc tôn vinh tín ngưỡng thờ cúng các Vua Hùng không được chú ý nhiều từ phía Nhà nước. Hội Đền Hùng lại trở về với vị trí hội làng như các hội làng khác ở Bắc Bộ. Thời kỳ này, liên quan đến Vua Hùng phải kể đến một công trình nghiên cứu lớn của các nhà nghiên cứu khoa học xã hội mà kết quả là bộ bốn tập sách *Hùng Vương dựng nước* với mục đích chứng minh sự tồn tại của thời kỳ Hùng Vương phục vụ cho công việc chống ngoại xâm và thống nhất đất nước; khẳng định một điều: *Nhân dân Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi*. Không có kẻ thù nào có thể chia cắt dân tộc này, nên khi đất nước bị lâm nguy, sự trỗi dậy của sức mạnh dân tộc càng được khẳng định mạnh mẽ. Sức mạnh đó không chỉ là sức người, sức của bằng vật chất, mà còn cao hơn thế, đó là sức mạnh tinh thần và truyền thống văn hóa của cha ông hun đúc nên. Đúng như một nhà văn hóa trong cuộc kháng chiến vừa qua đã khái quát bằng câu thơ nổi tiếng: “Bốn mươi thế kỷ cùng ra trận” (Tố Hữu). Đó mới là sức mạnh đáng kể. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương là kết tinh của những truyền thống văn hóa đó.

Vị trí của Vua Hùng với vai trò là một vị Tổ của toàn dân tộc thực sự được tôn vinh vào những năm cuối thập niên 90 của thế kỷ XX. Cho nên, từ năm 2000, Lễ hội Đền Hùng được tổ chức theo nghi thức Quốc giỗ vào những năm chẵn (5 năm một lần). Theo Nghị định 82/CP ngày 6-11-2001 của Chính phủ, quy mô tổ chức Lễ hội Đền Hùng - Giỗ Tổ Hùng Vương là ở cấp quốc gia. Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương vào năm chẵn sẽ do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du

lịch tổ chức, còn vào các năm lẻ do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ đứng ra tổ chức. Sau đó, bắt đầu từ năm 2007, Giỗ Tổ Hùng Vương được quy định là ngày lễ lớn của quốc gia và người lao động được nghỉ một ngày, hưởng nguyên lương.

Đặc biệt, năm 2010, theo Quyết định 2069/QĐ-TTg ngày 10-12-2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2010, Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2010 được tổ chức ở quy mô cấp quốc gia, diễn ra trong 10 ngày, từ ngày 14-4 đến ngày 23-4-2010 (tức ngày 1-3 đến 10-3 âm lịch) tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng, tỉnh Phú Thọ. Trong đó, Lễ dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng và cúng Trời diễn ra vào 7 giờ ngày mồng Mười tháng Ba âm lịch tại Đền Thượng trên Núi Nghĩa Lĩnh, với sự tham gia của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết, Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân cùng nhiều vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các bộ, ngành, và Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, được truyền hình trực tiếp trên kênh VTV1, Đài Truyền hình Việt Nam. Bên cạnh phần lễ là phần hội với các hoạt động văn hóa, thể thao mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc như: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch các dân tộc vùng Đông Bắc lần thứ 7; Chương trình nghệ thuật Kinh đô Văn Lang - Thăng Long - Hà Nội ngàn năm tỏa sáng với hào khí đất Việt qua những màn biểu diễn sử thi, võ thuật dân tộc độc đáo nhằm hướng tới Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Lễ hội Đền Hùng năm 2010 có quy mô lớn nhất từ trước đến nay, trải dài ra các vùng phụ cận của tỉnh Phú Thọ. Trong 10 ngày diễn ra lễ hội, du khách thập phương được tham gia nhiều hoạt động văn hóa như rước kiệu của các xã vùng ven di tích về Đền Hùng, thi gói bánh chưng, bánh giầy, bắn pháo hoa tầm cao, triển lãm ảnh tư liệu ngoài trời: “Các vùng kinh đô Việt Nam”, “Giỗ Tổ Hùng Vương xưa và nay”, giao lưu dân ca các vùng miền... Bởi vậy, chỉ trong 9 ngày đầu lễ hội đã có hơn 3 triệu lượt người tham dự.

Cũng từ đó, Lễ hội Đền Hùng còn có sự góp mặt lẫn lộn của nhiều địa phương và các tổ chức khác nhau như một hình thức “góp giỗ” cả về vật chất lẫn tinh thần. Nếu như năm Cảnh Hưng thứ 24 (1763) thời Lê Trung Hưng cả Đại Việt có 73 làng có đền thờ Hùng Vương, hầu hết nằm trong vùng kinh đô Văn Lang thời Vua Hùng dựng nước, thì hiện nay có 5 nơi có đền thờ Vua Hùng là Phú Thọ, Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh và Cà Mau. Còn tính về điểm thờ, theo thống kê của Cục Văn hóa cơ sở, thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cả nước có 1.417 di tích thờ Vua Hùng và các nhân vật liên quan đến thời đại Hùng Vương. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng ban hành văn bản hướng dẫn nghi thức tưởng niệm các Vua Hùng. Theo đó, hằng năm, Lễ Giỗ Tổ sẽ được tổ chức vào ngày mồng Mười tháng Ba âm lịch với lễ phẩm gồm 18 chiếc bánh chưng bọc lá dong tươi, buộc lạt màu đỏ; 18 chiếc bánh giầy có dán chữ phúc; hương hoa; trầu cau; rượu nước và ngũ quả.

Chỉ tính riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh có ít nhất 11 nơi thờ Vua Hùng, đó là: Đền các Vua Hùng ở Công viên văn hóa Tao Đàn (quận 1), Đền Hùng Vương (261/3 Cô Giang, quận Phú Nhuận), Đền thờ Quốc tổ Hùng Vương (166/33 Đoàn Văn Bơ nổi dài, quận 4), Đền thờ Quốc tổ Hùng Vương (2 Nguyễn Bình Khiêm, quận 1), Đền thờ Hùng Vương (khu du lịch văn hóa Suối Tiên), Đền thờ Hùng Vương (Công viên văn hóa Đầm Sen), Đền Trần Hưng Đạo (189/1 Tôn Đức, quận 4), Đền Cửu Tinh (96/24 Tôn Đức, quận 4), Từ Quang Phủ (384/105/31 Lý Thái Tổ, quận 10) và Đình Hòa Thạnh (378 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú). Thậm chí, đã có lúc người ta có dự định xây dựng ở mỗi tỉnh một đền thờ Vua Hùng.

Người Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài có một hành vi rất văn hóa là đến Đền Hùng tại Phú Thọ để lấy đất, lấy nước đem về nơi mình sinh sống, coi đó như là sự hiện hữu thiêng liêng của các vị Vua Hùng. Nhiều đường phố, đại lộ, quảng trường, công viên... tại các thành phố lớn được đặt tên Hùng Vương. Người Việt sống tại các nước trên thế giới cũng đang xây dựng các